

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 5 - 2023

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Ngọc Mai
2. Ông Nguyễn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 557/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-HN&GD ngày 25 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-HN&GD, ngày 18/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Số nhà 24/3, đường số 11, tổ 2, thôn 2, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Huy Q, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Số nhà 24/3, đường số 11, tổ 2, thôn 2, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh B.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Huy Q tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, đăng ký kết hôn số 108 ngày 22/11/2018. Sau khi kết hôn chị và anh Q xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q thường xuyên đánh bạc, lơ đãng gây ra nhiều khoản nợ làm ảnh hưởng đến tài chính gia đình. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Q nữa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Tại đơn khởi kiện ngày 28/11/2020, chị H yêu cầu được quyền chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trung Ng, sinh ngày 09/01/2020 và yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên ngày 10/4/2023, chị H tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện; không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nữa.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Nguyễn Huy Q nhiều lần nhưng anh Q không đến Tòa án. Anh Q không hợp tác, không đồng ý để Tòa án lấy lời khai.

Kết quả xác minh ngày 27/3/2023 đối với ông Nguyễn Đình Vinh là thôn trưởng thôn 2 xã Đ1 thể hiện: Anh Nguyễn Huy Q có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện tại đang cư trú tại số nhà 24/3, đường số 11, tổ 2, thôn 2, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh B. Quá trình chung sống vợ chồng anh Q và chị H thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân là do anh Q cờ bạc, lơ đãng gây ra nhiều khoản nợ làm suy kiệt kinh tế gia đình. Hiện tại anh Q và chị H cũng đã ly thân.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng pháp luật.
- Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật
- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H ly hôn anh Q là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kể từ ngày Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định về việc cấp, tổng đạt, thông báo văn Bản tố tụng cho đương sự được quy định tại chương X Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

[2.1] Về quan hệ pháp luật: Trong vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Huy Q; ngoài ra các đương sự không có yêu cầu nào khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhận định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn”.

[2.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Đ, tỉnh B. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Nguyễn Huy Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, đăng ký kết hôn số 108 ngày 22/11/2018. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, chị H và anh Q thường xuyên xảy ra cãi vã. Theo lời khai của chị H và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, xác định anh Q thường xuyên cờ bạc, lơ đãng gây ra nhiều khoản nợ làm suy kiệt kinh tế gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp để hòa giải tạo điều kiện cho các bên đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh Q luôn lẫn tránh điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh Q đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng, có duy trì cũng không đem lại lợi ích cho các bên. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị ly hôn anh Q là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nữa.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không cần xem xét trong bản án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị H là người yêu cầu ly hôn nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B: Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc đề nghị giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về con chung.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
 - Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân H ly hôn anh Nguyễn Huy Q.
3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Xuân H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012715, ngày 27 tháng 12 năm 2022. Bà Châu đã nộp đủ án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên Đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. *Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,*

7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- UBND xã Đ1;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVÀ, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Phúc Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

